

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

I Thông tin chung

1 Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
- Tên tiếng anh DAI THIEN LOC CORPORATION
- Tên viết tắt DTLS
- Trụ sở chính Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần, P.Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Điện thoại 0650. 3719999
- Fax 0650. 3849111
- Website www.daithienloc.com.vn
- E-mail dtl@daithienloc.com.vn
- Ngành nghề KD chính Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, thép lá mạ màu, ống thép, xà gồ thép; Mua bán sắt thép các loại; ...
- Vốn điều lệ hiện tại 501.360.900.000 VNĐ



Toàn cảnh Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương (diện tích đất 105.285m²) và tòa nhà văn phòng - Trụ sở chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/07/2001 Thành lập Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001). Với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên 30 người, công ty chuyên kinh doanh thép cán nóng, cán nguội ; thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu ; thép tấm ; thép hình ; xà gồ thép ; thép xây dựng v.v...

Tháng 3/2003	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương. <i>Sản phẩm tôn kẽm Đại Thiên Lộc có chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh nên được khách hàng ưa chuộng. Đơn đặt mua hàng không ngừng gia tăng. Dây chuyền mạ kẽm chạy 100% công suất vẫn không sản xuất đủ lượng hàng cung cấp cho thị trường nên công ty quyết định tăng vốn và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước</i>
Ngày 12/04/2007	Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 12/04/2007) <i>Thực sự hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/06/2007</i>
Tháng 6/2008	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Ngày 22/12/2008	Thành lập 3 công ty con chuyên sản xuất và kinh doanh thép
Ngày 23/12/2008	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m ² (Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2008) <i>Năm 2008 xảy ra khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kéo dài đến tận cuối năm 2009. Trong khoảng thời gian này, công ty đầu tư nhỏ giọt nên tiến độ thực hiện Dự án chậm so với kế hoạch. Sang đầu năm 2010, khi nền kinh tế dần dần hồi phục thì công ty mới đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án</i>
Ngày 04/06/2010	Niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
Tháng 8/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ hai)
Tháng 10/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xả băng, công suất 60.000 tấn/năm
Tháng 11/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm
Tháng 12/2011	Lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền : dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục
Tháng 04/2012	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01
Tháng 12/2012	Lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép lá cán nguội 06 trục



Dây chuyền tẩy rửa



Dây chuyền mạ lạnh



Dây chuyền thép lá cán nguội



Dây chuyền mạ màu

❖ Quá trình tăng vốn điều lệ (kể từ khi Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần)

Thời gian		Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)
12/04/2007	Khi thành lập	99.000.000.000	
31/03/2008	Tăng đợt 1	152.000.000.000	53.000.000.000
25/07/2008 - 10/08/2008	Tăng đợt 2	192.000.000.000	40.000.000.000
10/11/2008 - 15/11/2008	Tăng đợt 3	230.000.000.000	38.000.000.000
16/12/2008 - 31/12/2008	Tăng đợt 4	253.000.000.000	23.000.000.000
31/07/2009	Tăng đợt 5	350.000.000.000	97.000.000.000
11/09/2009 - 30/09/2009	Tăng đợt 6	388.000.000.000	38.000.000.000
24/06/2010	Tăng đợt 7	484.974.700.000	96.974.700.000
12/01/2012	Tăng đợt 8	501.360.900.000	16.386.200.000

3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:

- ✓ **Thép lá cán nguội:** Với công nghệ cán 12 trục, 6 trục đảo chiều tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng.
- ✓ **Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)/ Thép lá mạ kẽm (tôn kẽm):** Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại. Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G3141 SPCC 1B/SB/SD. Tôn mạ kẽm/tôn lạnh được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm/mạ hợp kim nhôm kẽm trên nền thép lá cán

nguội. Bề mặt tôn phẳng, các tinh thể hợp kim kết tinh tạo thành lớp bông kẽm đẹp, sáng và bóng. Khả năng chống ăn mòn và bức xạ nhiệt tốt hơn so với các sản phẩm khác.

- ✓ **Thép lá mạ kẽm phủ màu (tôn màu)/ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu):** Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền tôn kẽm/tôn lạnh. Lớp sơn bóng đẹp, bền màu. Không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình dập cán sóng và tạo hình.
- ✓ **Thép hộp và Ống thép:** Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn.

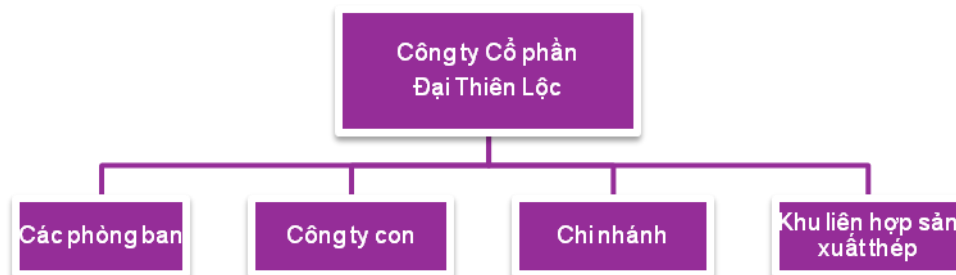
❖ Địa bàn kinh doanh:

Công ty luôn tập trung, chú trọng vào thị trường nội địa; Trong đó, chủ yếu là thị trường miền Đông Nam Bộ (54%) và miền Bắc (17%) vì tiềm năng của hai thị trường này là rất lớn.

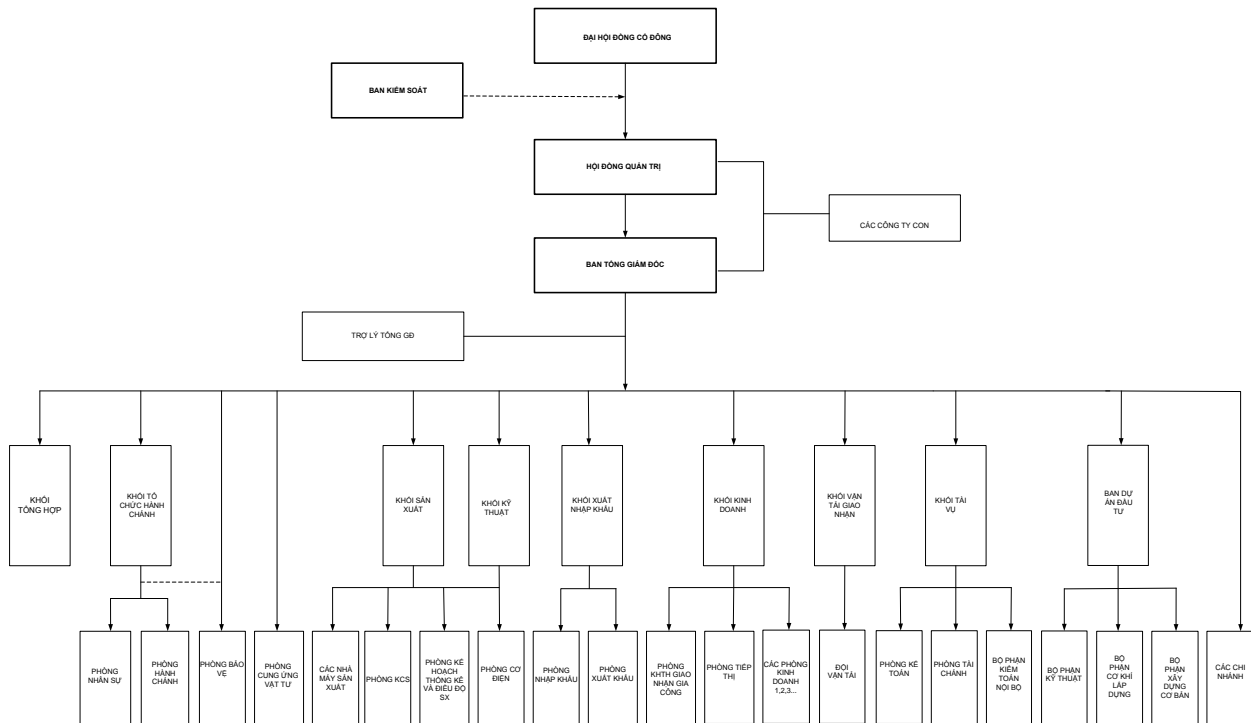
Ngoài thị trường nội địa, công ty cũng đã, đang và sẽ không ngừng đẩy mạnh thị trường xuất khẩu với một số thị trường truyền thống từ trước đến nay như các nước ASEAN, các nước Châu Á... Đồng thời, không chỉ dừng lại ở phạm vi đó, công ty cũng đang xúc tiến tìm hiểu thêm thị trường tại Châu Phi và Nam Mỹ để xuất khẩu hàng với giá cạnh tranh, đạt chất lượng.

4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của công ty



b) Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Khối Tổ chức - Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính

- Xây dựng, ban hành chính sách nhân sự, quy chế về sử dụng và quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật ...
- Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ...;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm....

Khối tổng hợp

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR, IR;

Khối vận tải

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

Phòng cung ứng vật tư

- Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty;

Phòng bảo vệ

- Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu

- Tìm hiểu thông tin thị trường thép thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
- Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
- Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, v.v...

Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; theo dõi, quản lý sử dụng dây chuyền thiết bị và thiết bị kiểm tra, đo lường;
- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị, v.v..;
- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm và giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;
- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, v.v...

Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, phát triển hệ thống bán hàng;
- Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Thực hiện dịch vụ bán hàng, hậu mãi ; chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ bán hàng, hậu mãi ...

Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ, v.v... ;
- Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;
- Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;
- Phối hợp với phòng Hành chính – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;
- Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;
- Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.

c) Các công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương Điện thoại: 0650. 3732981 Fax: 0650. 3732 980
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Điện thoại : 0650. 3719999 Fax : 0650. 3849111

5 Định hướng phát triển

a) Nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng thép dẹt tại Việt nam và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi, Nam Mỹ ... gia tăng rất đáng kể. Theo đó triển vọng phát triển ngành thép dẹt, thép lá tráng phủ kim loại (tôn mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm), phủ sơn màu (tôn mạ màu), ống thép, xà gồ thép ... là rất lớn

Tại Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04/09/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

- *Xây dựng và phát triển ngành Thép Việt Nam thành một ngành công nghiệp quan trọng, bảo đảm phát triển ổn định và bền vững, giảm thiểu sự mất cân đối giữa sản xuất gang, phôi thép với sản xuất thép thành phẩm, giữa sản phẩm thép dài với sản phẩm thép dẹt.*
- *Khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế trong nước ... đầu tư xây dựng ... nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các sản phẩm thép dẹt quy mô lớn.*

Vì vậy, việc đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép ĐẠI THIÊN LỘC trên khuôn viên đất 105.285 m² tại KCN Sóng Thần 3, TP TDM, Bình Dương để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu sử dụng thép trong nước và tiến đến xuất khẩu có thể được xem là một quyết định phù hợp với chủ trương của chính phủ.

b) Nguồn lực hiện có của công ty

- Vốn điều lệ hơn 501,36 tỷ đồng, thặng dư vốn trên 160 tỷ đồng ; Có uy tín, được các tổ chức tín dụng, ngân hàng đánh giá tiềm lực và tiếp tục hỗ trợ cho vay vốn mặc dù hiện nay các tổ chức tín dụng đang siết chặt việc cho vay đối với các doanh nghiệp sản xuất thép...
- Có các dây chuyền đã đưa vào hoạt động gồm: 01 dây chuyền tẩy rửa (công suất thiết kế 600.000 tấn/ năm) ; 02 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 12 trục (công suất thiết kế 200.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 6 trục (công suất thiết kế 150.000 tấn/năm) ; 02 dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm (công suất thiết kế 270.000 tấn/năm) ; trong đó, 01 dây chuyền đã đi vào SX ổn định và 01 dây chuyền sẽ đưa vào hoạt động vào đầu Quý 2/2013 ; 01 dây chuyền mạ màu (công suất 85.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền mạ kẽm (công suất 60.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền nắn phẳng tôn tốc độ 180m/p ; Và 04 dây chuyền cán ống thép (công suất 30.000 tấn/năm).
- Có hệ thống phân phối sản phẩm tốt: công ty hiện có 7 chi nhánh và trên 500 đại lý phân phối sản phẩm rộng khắp trong cả nước, từ miền Bắc, miền Trung, miền Đông Nam bộ, miền Tây Nam bộ, khu vực Tây nguyên. Ngoài thị trường truyền thống là các nước ASEAN, trong năm 2012 công ty cũng đã thường xuyên xúc tiến công tác tại nhiều nước nước Châu Á và không ngừng mở rộng xuất khẩu sang các nước ở châu Á, châu Phi và Nam Mỹ như: Bangladesh, Ấn độ, Srilanca, Benin, Congo, Gambia, Liberia, Senegal, Siera Leone, Sudan, Colombia, Peru ...
- Có được sự đồng thuận và nhất trí cao trong Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và nhân viên ; Có đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm trong ngành tôn, thép...

c) Mục tiêu chiến lược

Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Đại Thiên Lộc đề ra 5 mục tiêu lớn như sau:

- Một là, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững ; gia tăng giá trị cho cổ đông;
- Hai là, xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại ;
- Ba là, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;
- Bốn là, xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường;
- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của Cán bộ công nhân viên và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

6. Các rủi ro:

- Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào thì ngoài nguồn vốn tự có cũng rất cần có nguồn vốn vay để bổ sung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng nếu ngân hàng rút vốn một cách đột ngột mà không có sự thông báo trước, không tìm hiểu kỹ tiềm lực công ty thực chất như thế nào thì sẽ dẫn đến việc hụt nguồn vốn và mất cân đối về tài chính. Đối với khoản vay đến hạn mà chưa trả được, có thể sẽ xuất hiện nợ xấu trên toàn hệ thống và hệ lụy là hết sức khôn lường.
- Vì hệ thống các dây chuyền sản xuất nhập từ nước ngoài, được thiết kế theo công nghệ Châu Âu, trong khi đội ngũ công nhân chưa vận hành quen với công nghệ mới hiện đại nên vẫn xảy

ra sai sót và nếu không cẩn trọng trong việc điều hành và xử lý khi sự cố thì khả năng gây ra thiệt hại là rất lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả SX – KD:

📊 Về kinh doanh:

- Doanh thu:	1.596.315.182.571 đồng
Trong đó xuất khẩu	10.951.579 USD
- Lợi nhuận sau thuế:	13.185.162.056 đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phần	281 đồng
Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ:	2,63 %

📊 Về sản xuất

DVT: Tấn

Chỉ tiêu	2012	2011
- Tổng sản lượng	154.747,265	62.651
• Thép cán nóng	36.959,480	-
• Thép lá cán nguội	35.556,996	-
• Tôn lạnh	39,972,569	-
• Tôn kẽm	9.554,267	35.528
• Tôn màu	24.539,477	15.352
• Ống thép các loại	2.861,071	-
• Khác (thép lá đen, xà gồ, thép hình, thép tấm)	5.303,405	11.770

Mặc dù doanh thu không cao so với các năm trước nhưng tổng sản lượng sản xuất đã tăng lên đáng kể, với sự đa dạng về sản phẩm, nâng cao về chất lượng. Có được kết quả sản xuất như trên là nhờ vào Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật đã không ngừng học hỏi, tiếp cận công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Một số kết quả cụ thể như sau:

- Tự thiết kế, chế tạo thành công 01 dây chuyền mạ kẽm liên tục với công suất 60.000 tấn/năm và 01 dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm, lắp đặt và đưa vào sản xuất xuất dây chuyền cán nguội, dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm công suất 150.000 tấn/năm;
- Thay đổi công nghệ, nhiên liệu chất đốt, sử dụng khí nén thiên nhiên CNG (Compressed Natural Gas) thay thế gas hóa lỏng LPG (Liquified Petroleum Gas). Lợi thế của khí CNG là giá thành rẻ hơn nhiều so với LPG. Đây là nhiên liệu rẻ, sạch và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

1.2 Về kinh doanh nội địa - XNK

Công ty xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với khách hàng để nắm bắt nhu cầu của thị trường, từ đó hoạch định chiến lược kinh doanh linh hoạt, thích ứng trong từng thời kỳ. Phương châm của Đại Thiên Lộc là “ *Hàng hóa phong phú – Chất lượng ổn định – Giá cả cạnh*

tranh – Phục vụ tận tình” nên Đại Thiên Lộc có ưu thế cạnh tranh hơn so với một số đối thủ cùng ngành.

a) Kinh doanh nội địa

- Năm 2012, tổng doanh thu đạt 1.574.149.726.512 đồng (trong đó xuất khẩu đạt 10.951.579 USD), giảm so với năm 2011 khoảng 17,7% về tổng doanh thu và khoảng 50,6% về xuất khẩu.

- Cơ cấu doanh thu nội địa: Đông nam bộ 54% (giảm 22,9%); Miền bắc 17% (tăng 6,25%); Miền Tây nam bộ 14% (tăng 50%); Miền Trung 9%, Tây nguyên 6% (tăng 50%) so với cùng kỳ năm 2011;

b) Xuất khẩu

- Thị trường xuất khẩu truyền thống vẫn là các nước ASEAN chiếm 89% (tăng 1,64 lần), châu Phi chiếm 2% và Nam Mỹ chiếm 9%.

1.3 Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại

a) Quảng bá thương hiệu

Trong nội bộ

- In Logo, thương hiệu trên tất cả các biểu mẫu như : Phiếu báo giá, phiếu nhập - xuất kho, hóa đơn GTGT tự phát hành, giấy giới thiệu, giấy tiêu đề, bao thư, danh thiếp v.v...
- Trang phục công sở : tất cả CBCNV công ty khi đi làm đều mặc đồng phục có thêu logo Đại Thiên Lộc
- Bảng hiệu công ty, các chi nhánh

Ra bên ngoài

- In Brochure, tờ rơi, poster, quảng cáo trên báo, truyền hình ...
- Đặt các bảng quảng cáo ngoài trời, bảng hiệu đại lý ...
- Dán logo các xe của công ty ...
- Tặng phẩm: Bộ bình trà, bình cắm hoa, đồng hồ, bút bi, áo đi mưa ... có in thương hiệu Đại Thiên Lộc

b) Xúc tiến thương mại

- Tham gia các chương trình giao thương, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như : Hội chợ Vietbuild; Hội chợ thương mại quốc tế tại một số nước Đông Nam Á.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
2	Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc
3	Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Thị Phước Diên	Q.Kế toán trưởng
5	Vũ Thành Nam	Giám đốc tài chính

Tóm tắt lý lịch cá nhân của Ban điều hành

- Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Thanh Nghĩa
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	022749812
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	27/11/1963
<i>Nơi sinh</i>	Phù Cát, Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Phù Cát, Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0903723725
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 1987 - tháng 03/1992</i>	Công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex
<i>Từ 1992 – 1993</i>	Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM
<i>Từ 1993 – 2001</i>	Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp.HCM
<i>Từ 2001 – tháng 05/2007</i>	Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 06/2007 – nay</i>	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	19.623.287 cổ phần, chiếm 39,14 % vốn điều lệ
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	
<i>Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên</i>	7.181.775 cổ phần, chiếm 14,32 % vốn điều lệ
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Loan</i>	5.685.708 cổ phần, chiếm 11,34% vốn điều lệ
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Dung</i>	2.339.991 cổ phần, chiếm 4,67% vốn điều lệ
<i>Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng</i>	6.250 cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

- Phó Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	Đoàn Thị Mỹ Hồng
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	271310327 cấp ngày 11/ 05/1994 tại Đồng Nai
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	07/12/1978
<i>Nơi sinh</i>	Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt nam

<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	K88, phường Xuân Bình, TX. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0982286030
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Trung Cấp Thống Kê _Kế Toán
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 2001 – tháng 06/2007</i>	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 06/2007 – nay</i>	Thành viên HĐQT/Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	10.000 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

- Phó Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	Lâm Thị Kim Phượng
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	310926113
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	19/09/1974
<i>Nơi sinh</i>	Tiền Giang
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Xã Xuân Đông, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang
<i>Địa chỉ thường trú</i>	115 ấp An Lạc Thượng, xã Xuân Đông, Chợ Gạo, Tiền Giang
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0982286035
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân Kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 2001 – 2007</i>	Nhân viên Kinh doanh tại Công ty TNHH Thép Thiên Lộc
<i>Từ 2008 – nay</i>	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 10/2009 – nay</i>	Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	5.000 cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

- Q. Kế toán trưởng

<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Thị Phước Diên
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	341170827
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	1984
<i>Nơi sinh</i>	Bình Hàng Trung, Cao Lãnh, Đồng Tháp
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Bình Hàng Trung, Cao Lãnh, Đồng Tháp
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Bình Hàng Trung, Cao Lãnh, Đồng Tháp
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0914.394.160
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ năm 2007 – 10/2012</i>	Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
<i>Từ năm 11/2012 đến nay</i>	Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	Không
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

- Giám đốc tài chính:

<i>Họ và tên</i>	Vũ Thành Nam
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	261318651
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	15/05/1975
<i>Nơi sinh</i>	Nam Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Yên Trung, Ý Yên, Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Nam Hà, Đông Hà, Đức Linh, Bình Thuận
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0982286051
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 2001 – 2004</i>	Kế toán trưởng Công ty CP Hồng Dương, Kế toán trưởng CN Công ty XD&PTHT tại Nam Định;
<i>Từ tháng 10/2004 – tháng 5/2006</i>	Trợ lý GD Công ty TNHH Mỹ Nghệ Sài Gòn ARTS
<i>Từ tháng 7/2006 - tháng 11/2007</i>	Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
<i>Từ tháng 12/2007 – nay</i>	Kế toán trưởng Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không

Số cổ phần sở hữu	12.951 cổ phần, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

- Hội đồng quản trị miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Ông Vũ Thành Nam và bổ nhiệm chức Giám đốc Tài chính.
- Bà Nguyễn Thị Phước Diên được bổ nhiệm làm Quyền Kế toán trưởng.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tình hình nhân sự
 - Nguồn nhân lực: Đến 31/12/2012, tổng số lao động: **524** người, trong đó trình độ đại học, cao đẳng: 124 người ; trung cấp, công nhân kỹ thuật: 205 người ; lao động phổ thông: 195 người.
 - Thu nhập bình quân: **4.730.000** đồng/tháng/người
- Chế độ, chính sách lao động:
 - Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.
 - Bên cạnh đó, công ty còn có chế độ thưởng vào các ngày lễ tết ; tặng quà cho cán bộ, nhân viên nữ vào ngày 8/3 ; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên vào ngày lễ thiếu nhi ; tặng quà cho cán bộ, nhân viên là thương binh, gia đình liệt sỹ ; hỗ trợ cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn ; tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm để tái tạo sức lao động ...
- Đào tạo: Trong năm 2012, công ty tiếp tục mời một số chuyên gia nước ngoài đến tại nhà máy để đào tạo cho hơn 60 công nhân Đại Thiên Lộc về kỹ thuật vận hành dây chuyền tẩy rửa, thép lá cán nguội, mạ hợp kim nhôm kẽm, máy mài trục v.v...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

3.1 Thực hiện Dự án đầu tư vào KCN Sóng Thần 3, Bình Dương:

Tiến độ thực hiện hiện dự án chậm hơn so với kế hoạch đề ra xuất phát từ một số yếu tố khách quan như:

- Về phía nhà cung cấp nước ngoài, hợp đồng ký kết với Đại Thiên Lộc giá thấp, đến khi thực hiện thì giá cả nguyên liệu sắt thép, thiết bị tăng rất cao, họ bị lỗ nặng nên trì hoãn, kéo dài thời gian giao thiết bị dẫn đến hệ lụy là tiến độ thi công lắp đặt máy cũng kéo dài theo và dự án kéo dài so với kế hoạch. Tuy nhiên, đến cuối năm 2012, toàn bộ thiết bị máy móc của một số dây chuyền còn lại đã được giao đầy đủ.
- Về phía Đại Thiên Lộc cũng gặp phải khó khăn như bị hụt nguồn vốn do Ngân hàng rút vốn đột ngột, hàng tồn kho cao, nguồn cung vượt cầu dẫn đến bị mất cân đối với tài chính ...
- Công việc lắp máy do công nhân của công ty tự làm, không thuê đơn vị lắp máy chuyên nghiệp. Tiến độ lắp máy tuy không nhanh nhưng có nhiều cái lợi: một là được chuyên gia nước ngoài chỉ dẫn, giám sát thì công nhân học hỏi được kỹ thuật, công nghệ để nâng cao tay nghề, hai là thuận lợi cho công tác bảo trì, sửa chữa về sau, ba là tiết kiệm chi phí ...

- Tính đến 31/12/2012, tổng chi phí thực hiện dự án là 805 tỷ đồng, trong đó tiền đất 49 tỷ đồng, chi phí sản phẩm công trình, dây chuyền thiết bị 756 tỷ đồng.
- Tình hình thực hiện như sau:
 - ❖ **Về xây dựng**
 - Thi công lắp dựng hoàn thiện các nhà xưởng ; ...
 - Thi công xây dựng đường giao thông nội bộ ; ...
 - Hoàn thành công trình tòa nhà văn phòng 5 tầng, tổng diện tích sử dụng 5.500 m² và đưa vào sử dụng hồi tháng 04/2012.
 - Sắt thép dùng trong xây dựng (bê tông, cốt thép) và Kết cấu khung thép nhà xưởng được chọn lựa kỹ, là loại thép cường độ cao, mác thép đúng tiêu chuẩn, chất lượng rất tốt do công ty nhập khẩu từ lúc trước để dành xây dựng nhà xưởng, giá nhập khẩu rất thấp so với giá thép tại thời điểm xây dựng. Thiết bị gắn liền nhà xưởng như hệ thống cầu trục v.v... công ty cũng nhập khẩu với giá cả hợp lý
 - Công ty chỉ thuê đơn vị tư vấn, thiết kế, giám sát, còn vật tư, sắt thép do công ty cung cấp nên công trình nhà xưởng Đại Thiên Lộc có chất lượng cao nhưng chi phí thấp hơn khoảng 50% so với giá cả thị trường tại thời điểm thi công

❖ **Về lắp ráp dây chuyền thiết bị**

Tính đến ngày 31/12/2012, các hạng mục đầu tư dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị đồng bộ cơ bản hoàn thành và đưa vào vận hành SX ổn định. Bao gồm:

- 01 dây chuyền tẩy rửa (công suất 600.000 tấn/năm);
- 02 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 12 trục (công suất 200.000 tấn/năm); 01 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 6 trục (công suất 150.000 tấn/năm);
- 02 dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm (công suất 270.000 tấn/năm); trong đó, 01 dây chuyền đã đi vào SX ổn định và 01 dây chuyền sẽ đưa vào hoạt động vào đầu Quý 2/2013;
- 01 dây chuyền mạ màu (công suất 85.000 tấn/năm); 01 dây chuyền mạ kẽm 60.000 tấn/năm);
- 01 dây chuyền nắn phẳng tôn tốc độ 180m/p; Và 04 dây chuyền cán ống thép (công suất 30.000 tấn/năm).

Tổng kết hoạt động năm 2012, bằng sự nỗ lực HĐQT công ty đã vượt qua khó khăn và hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao phó, đã hoạt động vì lợi ích của cổ đông.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số vấn đề như :

- Nguồn vốn chủ sở hữu không đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô SXKD
- Nguồn nhân lực thiếu hụt so với đà phát triển của công ty
- Công tác tổ chức, quản lý chưa phát huy tính hiệu quả.
- Công tác cập nhật số liệu, lập báo cáo tài chính và kiểm toán còn chậm
- Công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu còn hạn chế ...

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	(8.074.651)	

Lợi nhuận sau thuế	(260.478.748)	(2.308.202)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

- Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	119.279.816.581	1.272.989.719.247
Lợi nhuận sau thuế	(3.159.167.374)	18.072.103.659
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.808.997.506.468	1.912.376.457.395	5,71
Doanh thu thuần	1.852.633.900.532	1.596.315.182.571	(13,84)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	179.535.695.765	19.153.041.112	(89,33)
Lợi nhuận khác	(2.197.384.595)	(4.672.156.449)	112,62
Lợi nhuận trước thuế	177.338.311.170	14.480.884.663	(91,83)
Lợi nhuận sau thuế	162.385.305.750	13.185.162.056	(91,88)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58,4%	-	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
+ <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.29	1.07	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.23	0.13	
+ <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.58	0.52	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.37	1.64	
+ <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1.22	1.63	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.02	0.83	
+ <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.09	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ	0.32	0.03	

sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.09 0.10	0.01 0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- a) Tổng số cổ : 50.136.090 cổ phiếu phổ thông
- b) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 46.908.250 cổ phiếu
- c) Số lượng cổ phiếu : 3.227.840 cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Thông tin về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng CD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ(%)
Trong nước	326	49.845.230	99,42
Cá nhân	295	39.851.772	79,49
Tổ chức	31	9.993.458	19,93
Nhà đầu tư CK chuyên nghiệp là các Cty Chứng khoán	27	55.252	0,11
Nước ngoài	15	290.860	0,58
Cá nhân	12	18.850	0,04
Tổ chức	3	272.010	0,54
Tổng cộng	341	50.136.090	

* Thông tin về cơ cấu cổ đông theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 22/03/2013

Thông tin về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)

STT	Họ tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	19.623.287	39,14 %
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	7.181.775	14,32 %
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	5.685.708	11,34 %
4	Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	số 300/20, Đường ĐT743a, Khu phố Chiêu Liêu, P.Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An, Bình Dương, Việt nam.	5.644.471	11,26 %
	Tổng cộng		38.135.241	76,06 %

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả SXKD năm 2012

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Kê hoạch năm 2012	2011
- Doanh thu:	1.596.315.182.571 đồng	1.500.000.000.000 đồng	1.852.633.900.532 đồng
Trong đó xuất khẩu	10.951.579 USD	12.000.000 USD	22.189.354,87 USD
- Lợi nhuận sau thuế:	13.185.162.056 đồng	10.000.000.000 đồng	162.385.305.750 đồng
- Lãi cơ bản trên CP	281 đồng		3.476 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	2,63 %		32,39 %

So với kế hoạch SX- KD do ĐHĐCĐ 2012 đã đề ra thì kết quả cho thấy doanh thu đạt 106,42%, lợi nhuận đạt 131,85% so với kế hoạch. Mặc dù hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra, nhưng con số đạt được thấp hơn nhiều so với năm 2011.

Và, Nguyên nhân ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của năm

- Trong năm 2012, kinh tế nước ta tiếp tục có những diễn biến xấu, tỷ lệ lạm phát lớn ; lãi suất tăng cao (trên 22%/năm) ; chi phí nguyên vật liệu, nhân công ... cũng đều tăng mạnh, trong khi đó thị trường thép âm ảm, mãi lực suy yếu, giá thép giảm mạnh kéo dài từ những tháng cuối năm 2011 và chỉ tăng lên nhưng không đáng kể vào cuối năm 2012;
- Một số ngân hàng rút vốn và không tiếp tục cho vay, điều này đã làm mất cân đối tài chính, dòng tiền không được xoay vòng liên tục để sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, không những không nhận nợ được từ phía ngân hàng mà công ty phải trả lãi vay rất lớn với số tiền trên 87 tỷ đồng cho cả nguồn vay từ cá nhân và ngân hàng.
- Việc đầu tư khu liên hợp thép Đại Thiên Lộc kéo dài so với dự kiến, một phần nguyên nhân là do nhà cung cấp nước ngoài giao thiết bị chậm trễ, dẫn đến việc lắp đặt kéo dài; Đội ngũ công nhân vận hành chưa quen với công nghệ Châu Âu nên còn có sai sót, sản lượng chưa đạt theo yêu cầu và công suất của máy cũng chưa đạt đến mức tối đa.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Từ năm 2008 cho đến nay, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc đã chứng minh năng lực và tiềm năng phát triển của mình, vẫn giữ mức tăng trưởng so với các đơn vị cùng ngành.
- Năm 2009 - 2011, trong bối cảnh kinh tế thế giới và nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, Đại Thiên Lộc vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 31/12/2012, một số dây chuyền như dây chuyền tẩy rửa, hai dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục, một dây chuyền thép lá cán nguội 6 trục, dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm đã đưa vào sản xuất. Thành công bước đầu này sẽ góp phần gia tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cho Đại Thiên Lộc. Ngoài ra, các dây chuyền khác như: dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm đang trong giai đoạn hoàn chỉnh, và dự kiến đưa vào chạy thử vào quý 2/2013.

2. Tình hình tài sản và nợ phải trả:

- Trong năm 2012 tài sản của công ty DTL đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể về tài sản cố định đã tăng từ 66 tỷ lên 372 tỷ tăng 563%, trong năm rất nhiều hạng mục đầu tư đã chính thức đưa vào sử dụng được thể hiện thông qua chỉ số xây dựng cơ bản dở dang giảm từ 438 tỷ xuống còn 303 tỷ.
- Trong năm 2012 do tình hình lãi suất biến động mạnh công ty đã chủ trương hạn quản lý chặt các khoản phải thu do vậy đã không để xảy ra tình trạng nợ xấu.
- Trong năm công ty đã đàm phán được với các đối tác cung cấp nguyên vật liệu chấp nhận cho công ty trả chậm với thời gian từ 90 ngày đến 180 ngày. Các khoản nợ này khi đến hạn công ty luôn đáp ứng được yêu cầu thanh toán cho đối tác do vậy tình trạng nợ xấu ở công ty không có.
- Trong năm 2012 việc tỉ giá ổn định do vậy ảnh hưởng của chênh lệch tỉ giá đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty là không đáng kể chỉ chiếm 0.25% trên tổng chi phí. Tuy nhiên, lãi suất trong năm còn rất cao do vậy chi phí lãi vay ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh (chi phí lãi vay chiếm 5,79% tổng chi phí)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Củng cố bộ máy tổ chức, điều hành công ty.
- Tái cấu trúc công ty cho phù hợp với đà phát triển ngày càng lớn. Thành lập một số tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị ; thay đổi tên gọi, chức năng nhiệm vụ và sắp xếp lại một số phòng ban trong công ty để hoạt động theo kịp đà phát triển của công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý các hoạt động của công ty, xây dựng quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và thông tin quản lý.
- Tin học hóa hệ thống quản lý ; ứng dụng phần mềm quản lý nguồn lực của doanh nghiệp (ERP) để chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.
- Nhanh chóng đưa các dây chuyền mới vào sản xuất, đại tu máy móc thiết bị cũ có dấu hiệu lão hóa;
- Tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ, có kinh nghiệm để tiếp nhận chuyển giao từ phía nước ngoài, vận hành và kiểm soát tốt các dây chuyền sản xuất;
- Cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đóng góp tích cực cho Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông để giảm giá thành sản phẩm, đầu tư ... đồng thời coi trọng chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh,

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Bước sang năm 2013, khi công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế của đất nước bắt đầu với mục tiêu ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, dự báo mức độ tăng trưởng kinh tế chậm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người tiêu dùng trong nước, ngành thép sẽ chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt. Một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có thể sẽ dùng các biện pháp bảo hộ mậu dịch, đó sẽ là những thách thức vô cùng to lớn đối với mục tiêu tăng trưởng mà công ty phải vượt qua.
- Với những thách thức đó, đòi hỏi công ty phải làm tốt công tác chuẩn bị để chủ động ứng phó với những biến động của thị trường. Công tác quản trị công ty phải đi vào chiều sâu, gắn hiệu

quả kinh doanh với thu nhập của người lao động, không ngừng cải tiến kỹ thuật, đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất, hoàn thiện hệ thống xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, tăng cao năng lực cạnh tranh.

- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới, tăng cường mở rộng mạng lưới tiêu thụ ra thị trường Bắc - Trung - Nam, Tây Nguyên. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường như : xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, tăng cường quảng cáo bằng nhiều hình thức, thành lập các chi nhánh, VPĐD trong và ngoài nước, tham gia các chương trình giao thương, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động chung:

- Năm 2012, tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nước ta, mức tăng trưởng chỉ đạt ở mức 5,03% giảm so với các năm trước, tỷ lệ lạm phát cao, lãi vay ngân hàng có giảm nhưng không đáng kể, vẫn có lúc lên đến 21%. Giá thép giảm liên tục và có dấu hiệu nhích lên không đáng kể vào giai đoạn cuối năm. Do tình trạng đóng băng bất động sản nên đã gây ảnh hưởng lớn cho các doanh nghiệp sản xuất trong ngành thép.
- Nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế so với nhu cầu sản xuất kinh doanh, ngoài ra, từ một số thông tin không tốt xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau đã dẫn đến một số ngân hàng rút một phần hoặc toàn bộ vốn vay, gây ra sự mất cân đối tài chính.
- Sản xuất dự án mới chưa thực sự ổn định, lượng hàng tiêu thụ chậm, hàng tồn kho vẫn giữ ở mức cao nên rất khó khăn trong việc xoay vòng nguồn vốn.

=> Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị tích cực phối hợp với Ban Tổng Giám đốc quan sát, nhận định về diễn biến giá cả, thị trường để từ đó đưa ra giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, thích ứng trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự quyết tâm và đồng thuận của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên đã đưa công ty vượt qua nhiều trở ngại để thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Do sự ảnh hưởng chung của nền kinh tế nhưng chính bằng sự nỗ lực của từng Cán bộ- Công nhân viên, công ty đã tồn tại và đạt được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2012 đã đề ra tuy mức doanh thu không cao so với các năm trước. So với kế hoạch, doanh thu năm 2012 đạt 104,7%, lợi nhuận đạt 141%. Mặc dù đạt so với kế hoạch đã đề ra, nhưng con số là thấp so với năm trước là vì năm 2012 kinh tế quá khó khăn, thị trường bất động sản gần như đóng băng, giá thép giảm liên tục trong năm và chỉ tăng lên không đáng kể vào cuối năm. Ngoài ra, một số ngân hàng rút vốn làm mất cân đối tài chính, dòng tiền không được xoay vòng liên tục để sản xuất, kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm 2012, Ban Giám đốc công ty luôn đồng hành và tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và công tác đầu tư dự án đang triển khai.
- Chiến lược kinh doanh của công ty chưa được Ban Giám đốc đưa ra một cách cụ thể và mang tính định hướng, doanh thu đem lại từ việc bán hàng chưa cao. Ngoài ra, công tác thị trường,

quảng bá thương hiệu chưa được chú trọng một cách triệt để nhất là trong thời kỳ cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng vốn điều lệ trên cơ sở phát hành thêm cổ phần cho đối tượng là Cán bộ - công nhân viên cho công ty.
- Tái cơ cấu lại nguồn, tập trung vào sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh việc xuất khẩu ra một số thị trường truyền thống và tìm kiếm các thị trường mới không phụ thuộc vào yếu tố thương mại như trước đây;
- Dự kiến:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: tỷ đồng
- Doanh thu:	3.000
Trong đó xuất khẩu	71.500.000 USD
- Lợi nhuận sau thuế:	65
- Tỷ lệ chia cổ tức	10%

❖ Về sản xuất

Tổng sản lượng:	555.000 tấn sản phẩm, trong đó:
+ Thép P/O	: 200.000 tấn
+ Thép lá cán nguội	: 160.000 tấn
+ Tôn lạnh:	125.000 tấn
+ tôn mạ màu:	40.000 tấn
+Tôn kẽm:	25.000 tấn
+ Ống thép:	5.000 tấn

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị



Hiện tại, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ảnh HĐQT nhiệm kỳ 2011 - 2015 (từ trái sang phải)

Nguyễn Thanh Nghĩa, Nguyễn Thị Bích Liên, Lâm Thị Kim Phượng, Đoàn Thị Mỹ Hồng, Lê Bá Phương

Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên HĐQT

1	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc <i>(xem lý lịch cá nhân Tổng Giám đốc)</i>
2	Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng GD <i>(xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)</i>
3	Bà Lâm Thị Kim Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng GD <i>(xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)</i>

4	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	
<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Thị Bích Liên	
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	020723726	
<i>Giới tính</i>	Nữ	
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	08/06/1964	
<i>Nơi sinh</i>	Sài Gòn	
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam	
<i>Dân tộc</i>	Kinh	
<i>Quê quán</i>	Nam Định	
<i>Địa chỉ thường trú</i>	327/47 Sur Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0903389175	
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12	
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Kinh doanh	
<i>Quá trình công tác</i>		
<i>Từ 1984 – 1988</i>	làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKHKT (số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM)	
<i>Từ 1989 – 1999</i>	Nội trợ	
<i>Từ 2000 – 2005</i>	Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc	
<i>Từ 2006 – tháng 4/2011</i>	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc	
<i>Từ tháng 4/2011 đến nay</i>	Thành viên HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc	
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không	
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	7.181.775 cổ phần, chiếm 14,32 % vốn điều lệ	
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>		
<i>Chồng: Nguyễn Thanh Nghĩa</i>	19.623.287 cổ phần, chiếm 39,14 % vốn điều lệ	
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Loan</i>	5.685.708 cổ phần, chiếm 11,34% vốn điều lệ	
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Dung</i>	2.339.991 cổ phần, chiếm 4,67% vốn điều lệ	
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không	
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không	

5	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	
<i>Họ và tên</i>	Lê Bá Phương	
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	025177456 cấp ngày 04/08/2009 tại Bến Tre	
<i>Giới tính</i>	Nam	
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	20/11/1964	
<i>Nơi sinh</i>	Vĩnh Long - Vĩnh Linh - Quảng Trị	
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam	
<i>Dân tộc</i>	Kinh	
<i>Quê quán</i>	Phong Bình, Hương Điền, Thừa Thiên Huế	
<i>Địa chỉ thường trú</i>	90/5 Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, Tp.HCM	
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0903925719	
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12	
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân Ngoại thương	
<i>Quá trình công tác</i>		
<i>Từ 1984 – 1987</i>	Tham gia nghĩa vụ quân sự	
<i>Từ 1987 – 2004</i>	NV và Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Đông lạnh Thủy sản Xuất khẩu Bến Tre	
<i>Từ 2004 - nay</i>	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre	
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không	
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	125.000 cổ phần, chiếm 0,25 % vốn điều lệ	
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không	
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không	
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không	

❖ Hoạt động của HĐQT năm 2012

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2011-2015 gồm 5 người: ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT ; Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT ; Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng ; Ông Lê Bá Phương và Bà Lâm Thị Kim Phượng
- Trong đó thành viên độc lập không điều hành gồm: Ông Lê Bá Phương và bà Nguyễn Thị Bích Liên

b. Hoạt động của HĐQT

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2012 vào ngày 28/04/2012
- Trong năm 2011, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai một số công việc như sau:
 - Phân phối lợi nhuận: Đã Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển.
 - Công tác quan hệ nhà đầu tư:

- ✓ Bên cạnh các hoạt động SXKD, công ty cũng thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định .
- ✓ Các thông tin của công ty đều được công bố đầy đủ tại website của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng ...
- ✓ Trong năm 2012, công ty đã đón tiếp nhiều nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến công ty tìm hiểu và đặt vấn đề đầu tư;
- ✓ Số lượng cổ đông của Đại Thiên Lộc theo danh sách chốt ngày 22/03/2013 là 341 cổ đông. Trong đó, cổ đông là cá nhân : 307 người (trong nước : 295, nước ngoài : 12) ; cổ đông là tổ chức : 34 tổ chức (trong nước : 31, nước ngoài : 03)

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:



*Ảnh Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2011 - 2015 (từ trái sang phải)
Phan Quỳnh Diễm Châu,
Đoàn Thị Bích Thúy,
Võ Thị Mỹ Dung*

Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên Ban Kiểm soát

1	Trưởng Ban Kiểm soát	
<i>Họ và tên</i>	Đoàn Thị Bích Thúy	
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	271688781	
<i>Giới tính</i>	Nữ	
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	11/05/1985	
<i>Nơi sinh</i>	Đồng Nai	
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam	
<i>Dân tộc</i>	Kinh	
<i>Quê quán</i>	Bình Định	
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Thọ Trung, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai	
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0914394290	
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12	
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cao đẳng Kế toán	
<i>Quá trình công tác</i>		
<i>Từ 2005 – tháng 05/2007</i>	công tác tại Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc	
<i>Từ tháng 06/2007 – nay</i>	công tác tại Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc	

<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	1.300 cổ phần, chiếm 0,003 % vốn điều lệ
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

2 Thành viên Ban Kiểm soát	
<i>Họ và tên</i>	Võ Thị Mỹ Dung
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	211833676
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	18/07/1986
<i>Nơi sinh</i>	Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0914394291
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Trung cấp kế Toán
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 01-11-2007 – nay</i>	Nhân viên kho thống kê Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	Không
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

3 Thành viên Ban Kiểm soát	
<i>Họ và tên</i>	Phan Quỳnh Diễm Châu
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	225326703
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	10/01/1988
<i>Nơi sinh</i>	Nha Trang
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Nha Trang, Khánh Hòa
<i>Địa chỉ thường trú</i>	116 Bạch Đằng, P.Tân Lập, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0914394134
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12

<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân Luật học
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Tháng 06/2010 đến nay</i>	Nhân viên pháp lý Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	30 cổ phần, chiếm 0,0001 % vốn điều lệ
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

c) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, BKS đã tổ chức 05 cuộc họp, định kỳ họp hàng quý. Nội dung các cuộc họp trong năm nhằm:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định được ban hành bởi Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành nhằm định hướng cho công tác quản lý, điều hành trong năm 2012;
- Ghi nhận lại những vấn đề đã, chưa thực hiện được trong quý; Từ đó, có kiến nghị, đề xuất lên HĐQT và Ban Điều hành. Đồng thời, đưa ra các nội dung và kế hoạch cần triển khai trong quý tiếp theo;
- Kiểm tra thực tế và đưa ra kiến nghị về tình hình quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con và chi nhánh;
- Kiểm tra, đóng góp ý kiến đối với việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ của các phòng ban mà có nội dung không phù hợp hoặc trái với các quy định của pháp luật, điều lệ công ty;
- Các công việc khác theo quyết định của ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát là 0,5% trên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2012 (tương đương: 65.925.810 đ – Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn, tám trăm mười đồng).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	18.769.727	37,44%	19.623.287	39,14 %	Mua
2	Nguyễn Thanh Loan	Con Chủ tịch HĐQT	6.635.708	13,24%	5.685.708	11,34%	Bán
3	Nguyễn Thanh Dung	Con Chủ tịch HĐQT	2.918.811	5,82%	2.339.991	4,67%	Bán

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:
- Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Cổ đông nội bộ cho Công ty vay ngắn hạn. Lãi suất: 1,65%/tháng (Theo báo cáo 06 tháng đầu năm).
 - Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Cổ đông nội bộ cho Công ty vay ngắn hạn. Lãi suất: 1,25%/tháng (Theo báo cáo 06 tháng cuối năm).
 - Bà Nguyễn Thanh Dung – Người có liên quan cho công ty vay ngắn hạn. Lãi suất: 1,25%/tháng
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: .
- Thiếu các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động cho Hội đồng quản trị. Hiện nay, do nguồn nhân lực có trình độ quản trị và khả năng giúp việc cho HĐQT còn tương đối thiếu do đó chưa thể thành lập được các tiểu ban để giúp việc cho HĐQT; vì vậy, công tác quản trị tập trung hầu hết vào Hội đồng quản trị và trong tương lai, công ty sẽ thực hiện việc tái cấu trúc về tổ chức, về nhân sự và tiến tới thiết lập các tiểu ban hỗ trợ cho HĐQT một số hoạt động.
 - Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát chưa thực sự chặt chẽ và đem lại hiệu quả, dẫn đến vẫn còn có sai sót trong quá trình thực hiện, kiểm tra và giám sát.

VI. Các thông tin khác:

1. Công tác xã hội, từ thiện:

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 còn gặp nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên, công ty vẫn duy trì được công tác từ thiện xã hội, để chia sẻ và hỗ trợ cho những mảnh đời còn nhiều bất hạnh trong cuộc sống. Trong năm, công ty đã chi tổng cộng số tiền gần 841 triệu đồng, đóng góp cho các hoạt động như: Tài trợ hằng năm cho Quỹ học bổng “Đại Thiên Lộc – Thắp sáng ước mơ sinh viên Bình Dương”; Ủng hộ kinh phí xây nhà tình nghĩa, tình thương; Tài trợ Chương trình “Ám tình mùa xuân” tại nhà hát Bến Thành; Tài trợ chương trình “Ngày hội trung thu và trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn” lần thứ 9 của tỉnh Bình Dương.

2. Hoạt động của các tổ chức, Đoàn thể:

Chi bộ Đảng công ty cổ phần Đại Thiên Lộc hiện có 30 đảng viên. Lãnh đạo công ty luôn ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần nên việc sinh hoạt chi bộ có nhiều thuận lợi. Trong cuộc họp chi bộ, những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được đưa ra bàn bạc, chi bộ tham gia đóng góp ý kiến tích cực giúp công ty đạt kết quả sản xuất kinh doanh tốt, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên được nâng cao.

Lãnh đạo công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ tích cực các hoạt động của công đoàn cơ sở, Chi Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... Các tổ chức này trở thành cầu nối quan trọng giữa cán bộ, nhân viên và công ty. Nhờ vậy công tác điều hành sản xuất kinh doanh có nhiều thuận lợi hơn, đạt hiệu quả cao hơn...

VII. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**

NGUYỄN THANH NGHĨA

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển.....	7

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
1.1 Kết quả SX – KD:.....	9
1.2 Về kinh doanh nội địa - XNK.....	9
1.3 Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại.....	10
2. Tổ chức và nhân sự.....	
2.1 Danh sách Ban điều hành:.....	10
2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:.....	14
2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án.....	14
3.1 Thực hiện Dự án đầu tư vào KCN Sóng Thần 3, Bình Dương:.....	14
3.2 Các công ty con, công ty liên kết:.....	15
4. Tình hình tài chính.....	16
4.1 Tình hình tài chính.....	16
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	16
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2. Tình hình tài sản và nợ phải trả:.....	19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 20

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động chung:.....	20
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	20
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.....	21
2. Ban Kiểm soát.....	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC:..... 27

1. Công tác xã hội, từ thiện:.....	27
2. Hoạt động của các tổ chức, Đoàn thể:.....	27

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH..... 27

1. Ý kiến kiểm toán:.....	27
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:.....	27



RSM DTL Auditing
Connected for Success

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 10599
	Giờ: Ngày 1 tháng 4 năm 13

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 9 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25/4/2008
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2007
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013



NGUYỄN THANH NGHĨA



Số: 13.128/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 35 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Chứng chỉ KTV số 1727/KTV

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.065.180.913.743	1.243.001.577.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	27.467.867.667	46.573.662.231
1. Tiền	111		22.857.867.667	22.944.092.231
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.610.000.000	23.629.570.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	646.550.997	3.411.544.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988.103.451	3.808.256.322
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(341.552.454)	(396.712.322)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.3)	64.840.753.243	126.904.518.489
1. Phải thu khách hàng	131		57.765.691.429	121.250.179.569
2. Trả trước cho người bán	132		10.557.716.671	4.620.870.808
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.818.466.840	7.538.571.114
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.301.121.697)	(6.505.103.002)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	936.438.103.645	1.022.724.015.592
1. Hàng tồn kho	141		945.314.630.207	1.039.592.506.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.876.526.562)	(16.868.490.890)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.787.638.191	43.387.837.300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		479.810.632	303.321.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.149.050.987	25.159.352.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.506.795
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	19.158.776.572	17.921.656.669

(phần tiếp theo trang 06)

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		847.195.543.652	565.995.928.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		846.162.274.553	565.927.451.061
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	472.878.612.944	66.094.314.831
+ Nguyên giá	222		532.356.401.173	104.113.926.229
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.477.788.229)	(38.019.611.398)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(5.7)	9.693.079.445	-
+ Nguyên giá	225		10.339.284.741	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(646.205.296)	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.8)	59.890.619.372	61.330.504.989
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.070.927.436)	(1.631.041.819)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.9)	303.699.962.792	438.502.631.241
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		339.477.795	68.477.795
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		339.477.795	68.477.795
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		693.791.304	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		90.000.000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.11)	298.322.384	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		305.468.920	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.912.376.457.395	1.808.997.506.468

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.187.631.474.195	1.045.389.904.396
I. Nợ ngắn hạn	310		992.683.063.545	959.533.025.516
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	669.222.608.154	667.955.185.823
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	225.246.936.198	229.180.511.808
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	7.829.950.192	5.574.408.555
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	74.023.754.434	35.386.337.202
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	3.033.575.364	215.977.969
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	3.945.227.288	4.324.115.833
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	4.088.022.961	12.131.101.125
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.16)	5.292.988.954	4.765.387.201
II. Nợ dài hạn	330		194.948.410.650	85.856.878.880
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	194.948.410.650	85.530.579.780
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	326.299.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		724.744.983.200	763.607.602.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.18.1)	724.744.983.200	763.607.602.072
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.18.2)	501.360.900.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.852.283.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	247.207.664
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25.358.534.309	17.239.269.021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.632.796.366	1.866.469.837
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.18.6)	93.179.154.569	140.680.157.594
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.912.376.457.395	1.808.997.506.468

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<u>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</u>	<u>Th. minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		4.446,19	17.404,27
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

NGUYỄN THANH NGHĨA

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.603.276.548.706	1.854.812.000.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.961.366.135	2.178.099.751
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.596.315.182.571	1.852.633.900.532
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.436.833.089.343	1.513.269.094.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		159.482.093.228	339.364.806.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.737.756.758	7.832.567.698
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	91.071.612.637	122.325.604.276
trong đó, chi phí lãi vay	23		87.070.331.027	(81.180.510.228)
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	11.921.572.052	16.314.805.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	40.073.624.185	29.021.268.663
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.153.041.112	179.535.695.765
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	10.920.037.651	4.424.273.387
12. Chi phí khác	32	(6.8)	15.592.194.100	6.621.657.982
13. Lợi nhuận khác	40		(4.672.156.449)	(2.197.384.595)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		14.480.884.663	177.338.311.170
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.10)	1.594.044.991	14.953.005.420
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.11)	(298.322.384)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		13.185.162.056	162.385.305.750
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		13.185.162.056	162.385.305.750
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.18.5)	281	3.476

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐẠI THIÊN LỘC

TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

M. 02 N. 5105001282-12



NGUYỄN THANH NGHĨA

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.480.884.663	177.338.311.170
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		24.009.468.198	11.208.846.615
Các khoản dự phòng	03		(7.251.105.501)	19.898.022.994
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		208.195.515	661.227.500
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.510.099.714)	(2.377.813.803)
Chi phí lãi vay	06		87.070.331.027	81.180.510.228
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		117.007.674.188	287.909.104.704
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		228.295.741.673	(44.695.481.240)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		94.277.876.275	410.087.070.597
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(125.703.666.224)	148.362.864.123
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(266.489.629)	(161.752.378)
Tiền lãi vay đã trả	13		(108.881.357.789)	(79.980.624.257)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(24.770.594.540)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		574.615.696.057	688.146.359.427
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(580.777.284.996)	(687.976.026.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			198.568.189.554	696.920.919.940
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(294.026.012.015)	(206.684.535.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.182.297.323	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.820.152.871	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(271.000.000)	(7.220.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.066.052.205
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.248.381.723	2.159.538.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(280.046.180.098)	(202.466.165.495)

(phần tiếp theo trang 11)

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(58.508.685.584)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.721.733.090.329	1.253.693.108.777
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.610.715.127.431)	(1.507.106.345.798)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.645.746.160)	(144.948.614.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		62.372.216.738	(456.870.537.105)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(19.105.773.806)	37.584.217.340
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.573.662.231	8.989.444.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.758)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		27.467.867.667	46.573.662.231

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC



NGUYỄN THANH NGHĨA

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	100%	100%

1.5. Nhân Viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 479 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 538 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm
+ Phần mềm máy tính	08 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 - 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.13. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2005 đến năm 2011).

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

▪ Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.16. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	610.934.912	648.279.926
Tiền gửi ngân hàng	22.246.932.755	22.295.812.305
Các khoản tương đương tiền	4.610.000.000	23.629.570.000
Tổng cộng	27.467.867.667	46.573.662.231

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	1.808.256.322
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	3.808.256.322
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(341.552.454)	(396.712.322)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	646.550.997	3.411.544.000

Cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	189.613	1.808.256.322

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre là do Công ty đã bán bớt cổ phiếu trong năm.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	57.765.691.429	121.250.179.569
Trả trước cho người bán	10.557.716.671	4.620.870.808
Các khoản phải thu khác	3.818.466.840	7.538.571.114
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	72.141.874.940	133.409.621.491
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.301.121.697)	(6.505.103.002)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	64.840.753.243	126.904.518.489

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại Công ty CP Đại Thiên Lộc	21.038.766.534	121.030.095.761
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	36.555.380.047	-
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	171.544.848	220.083.808
Cộng	57.765.691.429	121.250.179.569

Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu từ các bên liên quan là 6.546.401.958 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền cho công nhân viên vay	622.744.750	630.494.750
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	211.747.822	5.495.266.731
Phải thu khác	2.983.974.268	1.412.809.633
Cộng	3.818.466.840	7.538.571.114

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	(268.074.094)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(142.953.083)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(209.585.986)	(1.461.658.498)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.948.582.628)	(4.775.370.410)
Cộng	(7.301.121.697)	(6.505.103.002)

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	149.907.602.993	147.039.070.840
Công cụ, dụng cụ	6.923.086.049	6.686.620.259
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.473.512	1.372.068
Thành phẩm	303.445.837.868	356.270.895.591
Hàng hóa	484.833.629.785	529.594.547.724
Cộng giá gốc hàng tồn kho	945.314.630.207	1.039.592.506.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.876.526.562)	(16.868.490.890)
Giá trị thuần có thể thực hiện	936.438.103.645	1.022.724.015.592

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 7.991.964.328 đồng, do hàng đã được bán ra trong năm.

Hàng tồn kho với giá trị là 284.916.189.075 đồng và 14.159.062 Đô la Mỹ được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.10.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.419
Tạm ứng	1.085.152.014	1.262.134.027
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.952.344.138	16.538.242.223
Tổng cộng	19.158.776.572	17.921.656.669

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: ngàn đồng	
					TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.931.484	51.287.193	34.300.742	1.507.507	87.000	104.113.926
Mua trong năm	-	5.383.380	-	153.000	-	5.536.380
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	431.298.346	-	524.335	1.225.111	433.047.792
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.341.697)	-	-	-	(10.341.697)
Số dư cuối năm	16.931.484	477.627.222	34.300.742	2.184.842	1.312.111	532.356.401

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	6.231.534	21.106.538	9.851.869	806.471	23.200	38.019.612
Khấu hao trong năm	1.191.754	16.163.387	4.139.681	294.478	134.077	21.923.377
Thanh lý, nhượng bán	-	(421.118)	-	-	-	(421.118)
Giảm khác	-	(40.211)	(3.872)	-	-	(44.083)
Phân loại lại	-	9.134	(9.134)	-	-	-
Số dư cuối năm	7.423.288	36.817.730	13.978.544	1.100.949	157.277	59.477.788

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	10.699.950	30.180.655	24.448.873	701.036	63.800	66.094.314
Tại ngày cuối năm	9.508.196	440.809.493	20.322.198	1.083.892	1.154.834	472.878.613

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 18.587.739.265 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng là 367.460.334.126 đồng – Xem thêm mục 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.598.224.305 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Thuê tài chính trong năm	10.339.284.741
Số dư cuối năm	10.339.284.741
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	646.205.296
Số dư cuối năm	646.205.296
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	9.693.079.445

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm là 531.627.948 đồng.

Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Tiền thuê được tính dựa trên giá trị thuê và lãi suất thuê được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chalease.

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền mua tài sản: Bên Thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên Cho Thuê đồng ý bán Tài sản Thuê với giá bằng giá trị còn lại được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chalease.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.608.217.073	22.824.746	1.631.041.819
Khấu hao trong năm	1.428.473.242	11.412.375	1.439.885.617
Phân loại lại	(11.412.372)	11.412.372	-
Số dư cuối năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	61.262.030.735	68.474.254	61.330.504.989
Tại ngày cuối năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 57.412.032.361 đồng
- Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Máy móc, dây chuyền sản xuất	181.343.390.563	335.063.104.269
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	112.152.476.174	93.910.620.960
Công trình tường rào tại XI nghiệp cơ khí	-	1.225.110.581
Công trình xây dựng đường trạm, hệ thống điện, PCCC, xử lý nước thải	9.021.844.057	8.303.795.431
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998	-
Tổng cộng	303.699.962.792	438.502.631.241

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng là 214.064.140.497 đồng đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn
- Xem thêm mục 5.17.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	568.527.549.905	627.432.881.903
Vay đối tượng khác	2.161.069.737	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	94.970.184.448	37.807.076.920
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.563.804.064	-
Tổng cộng	669.222.608.154	667.955.185.823

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,8%/năm đối với USD và từ 13%/năm đến 19,8%/năm tùy từng thời kỳ đối với VND và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình - Xem thêm mục 5.4, 5.6, 5.8.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân không thời hạn và vay các công ty khác dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,65%/tháng, trong đó có khoản vay cá nhân liên quan là 47.336.487 đồng - Xem thêm mục 8.

Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả là nợ đến hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 Chailease ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế - Xem thêm mục 5.17.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	225.246.936.198	229.180.511.808
Người mua trả tiền trước	7.829.950.192	5.574.408.555
Tổng cộng	233.076.886.390	234.754.920.363

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	59.120.157.238	162.812.016.924
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	166.126.778.960	66.368.494.884
Cộng	225.246.936.198	229.180.511.808

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là 57.386.286.445 đồng - Xem thêm mục 8.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	44.183.021.892	11.166.059.246
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.726.457.045	-
Thuế xuất, nhập khẩu	7.759.773.766	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.879.868.985	15.285.823.994
Thuế thu nhập cá nhân	1.470.192.746	3.540.545.553
Các loại thuế khác	4.440.000	-
Tổng cộng	74.023.754.434	35.386.337.202

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng tháng 13 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	3.644.678.424	4.319.814.141
Chi phí khác	300.548.864	4.301.692
Tổng cộng	3.945.227.288	4.324.115.833

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	262.713.186	221.114.989
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	349.569.651	810.948.993
Phải trả tiền mượn	-	5.374.742.200
Cổ tức phải trả	152.737.500	1.890.253.660
Doanh thu chưa thực hiện	-	762.404.537
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.323.002.624	3.071.636.746
Tổng cộng	4.088.022.961	12.131.101.125

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm này	Năm trước
Số dư đầu năm	4.765.387.201	934.559.553
Trích lập trong năm	4.871.559.173	7.286.406.742
Tặng khác	6.970.100	88.076.300
Sử dụng trong năm	(4.350.927.520)	(3.543.655.394)
Số dư cuối năm	5.292.988.954	4.765.387.201

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	193.166.508.620	85.530.579.780
Nợ thuê tài chính	1.781.902.030	-
Tổng cộng	194.948.410.650	85.530.579.780

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 288.136.693.068 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 94.970.184.448 đồng. – Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và công trình xây dựng cơ bản dở dang. – Xem thêm mục 5.6, 5.8 và 5.9.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 02 năm. Số dư nợ gốc đến 31 tháng 12 năm 2012 là 1.781.902.030 đồng, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 3.563.804.064 đồng – xem thêm mục 5.10.

(Phần tiếp theo trang 24)

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu**5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	297.816.683	7.858.510.594	1.903.869.837	140.382.698.693	786.526.095.807
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	16.386.200.000	9.613.783.540	-	-	-	-	-	25.999.983.540
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(58.508.685.584)	-	-	-	-	(58.508.685.584)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	162.385.305.750	162.385.305.750
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	9.380.758.427	362.200.000	(17.029.365.169)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(145.003.166.000)	(145.003.166.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(399.600.000)	-	(399.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(50.609.019)	-	-	(55.315.680)	(105.924.699)
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	247.207.664	17.239.269.021	1.866.469.837	140.680.157.594	763.607.602.072
Tăng vốn năm này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	13.185.162.056	13.185.162.056
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	8.119.265.288	811.926.529	(13.802.750.990)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(46.908.230.000)	(46.908.230.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(45.600.000)	-	(45.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(247.207.664)	-	-	-	(247.207.664)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	24.815.909	24.815.909
Số dư cuối năm	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	-	25.358.534.309	2.632.796.366	93.179.154.569	724.744.983.200

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	187.697.270.000	37,44	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	41.250.000.000	8,23
Vốn góp của các đối tượng khác	241.845.880.000	48,24	377.610.900.000	75,31
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.18.3. Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 (10%/mệnh giá) với số tiền 46.908.230.000 đồng.

5.18.4. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	13.185.162.056	162.385.305.750
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	46.908.250	46.714.625
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	281	3.476

5.18.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	140.680.157.594	140.382.698.693
Lợi nhuận sau thuế trong năm	13.185.162.056	162.385.305.750
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(8.119.265.288)	(9.380.758.427)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(811.926.529)	(362.200.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.871.559.173)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức	(46.908.230.000)	(145.003.166.000)
Tặng khác/(giảm khác)	24.815.909	(55.315.680)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	93.179.154.569	140.680.157.594

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	839.856.641.336	987.094.524.654
Doanh thu bán thành phẩm	725.699.693.036	862.933.771.522
Doanh thu xây dựng	25.002.660.541	-
Doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu	12.677.454.694	4.723.137.812
Doanh thu khác	40.099.099	60.566.295
Giảm giá hàng bán	(184.559.191)	(15.274.129)
Hàng bán bị trả lại	(6.776.806.944)	(2.162.825.622)
Doanh thu thuần	1.596.315.182.571	1.852.633.900.532

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	822.207.555.185	791.031.501.736
Giá vốn của thành phẩm đã bán	595.015.195.471	700.708.503.711
Giá vốn xây dựng	24.991.032.283	-
Giá vốn của nguyên vật liệu, phế liệu	2.611.270.732	4.660.597.819
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.991.964.328)	16.868.490.890
Tổng cộng	1.436.833.089.343	1.513.269.094.156

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.248.381.723	360.401.796
Lãi đầu tư chứng khoán	82.686.129	1.968.947.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.179.503.128	5.503.218.107
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	227.185.778	-
Tổng cộng	2.737.756.758	7.832.567.698

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	87.070.331.027	81.180.510.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.781.592.035	40.483.866.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	435.381.293	661.227.500
Lãi bán hàng trả chậm	817.042.778	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	22.425.372	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(55.159.868)	-
Tổng cộng	91.071.612.637	122.325.604.276

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.207.679.965	3.714.885.444
Chi phí vật liệu, bao bì	1.246.167.850	1.771.901.812
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.613.639	177.238.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.810.211	106.929.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.273.440.544	579.633.747
Chi phí khác	6.076.859.843	9.964.215.833
Tổng cộng	11.921.572.052	16.314.805.370

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.939.118.403	10.887.673.634
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	360.004.063	299.945.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.613.043.274	1.054.791.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.877.939.996	7.787.712.903
Chi phí khác	9.283.518.449	8.991.145.108
Tổng cộng	40.073.624.185	29.021.268.663

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	10.182.297.323	1.400.000.000
Thu tiền nhượng bán các dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	-	1.817.760.697
Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	-	1.057.166.515
Thu nhập khác	737.740.328	149.346.175
Tổng cộng	10.920.037.651	4.424.273.387

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	9.920.849.284	1.369.827.590
Giá trị còn lại chi phí XD CB dở dang thanh lý, nhượng bán	-	1.629.657.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	1.301.106.764	
Nộp phạt tiền thuế	4.258.466.779	174.045.530
Chi phí khác	111.771.273	3.448.127.417
Tổng cộng	15.592.194.100	6.621.657.982

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	750.847.078.492	773.046.666.526
Chi phí nhân công	30.496.008.197	20.967.400.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.157.858.377	10.067.401.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.195.773.133	10.274.869.020
Chi phí khác	33.113.693.775	21.383.498.231
Tổng cộng	844.810.411.974	835.739.836.377

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN năm này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động thương mại 20% + Hoạt động sản xuất 15% và giảm 50%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Đang được miễn thuế
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	25%

6.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm được trình bày như sau:

	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ
Số dư đầu năm nay	-
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay	(298.322.384)
Số dư cuối năm	298.322.384

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Hoạt động khác: dịch vụ vận chuyển, lưu kho, xây dựng, gia công.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: triệu đồng

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	860.756	719.706	987.095	838.888	4.784	37.720	-	-	1.852.635	1.596.314
Giữa các bộ phận	18.309	595.489	-	1.020.150	-	4.643	(18.309)	(1.620.282)	-	-
Tổng cộng	879.065	1.315.195	987.095	1.859.038	4.784	42.363	(18.309)	(1.620.282)	1.852.635	1.596.314
Kết quả của bộ phận	143.179	125.381	196.063	23.983	123	10.118	-	-	339.365	159.482
Chi phí không phân bổ									(45.336)	(51.995)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác									294.029	107.487
Thu nhập tài chính									7.833	2.738
Chi phí tài chính									(122.326)	(91.072)
Thu nhập khác									4.424	10.920
Chi phí khác									(6.622)	(15.592)
Lợi nhuận trước thuế									177.338	14.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(14.953)	(1.594)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									-	298
Lợi nhuận sau thuế									162.385	13.185

Các thông tin khác

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Tài sản của bộ phận	352.307	300.171	516.690	479.232	-	-	-	-	868.997	779.403
Tài sản không phân bổ									940.001	1.132.974
Tổng tài sản									1.808.998	1.912.377
Nợ phải trả không phân bổ									1.045.390	1.187.631
Tổng nợ phải trả									1.045.390	1.187.631

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Chi phí mua sắm tài sản	205.165	304.050	-	-	-	-	-	-	205.165	304.050
Chi phí khấu hao	11.209	24.009	-	-	-	-	-	-	11.209	24.009

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: triệu đồng

	<u>Trong nước</u>		<u>Ngoài nước</u>		<u>Các khu vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	1.397.808	1.381.939	454.826	214.376	-	-	-	-	1.852.634	1.596.315
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.397.808	1.381.939	454.826	214.376	-	-	-	-	1.852.634	1.596.315
Chi phí mua sắm tài sản	205.165	304.050	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Tài sản của bộ phận	1.803.574	1.902.745	5.424	9.632	-	-	-	-	1.808.998	1.912.377

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty và cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
4. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Cổ đông lớn
5. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
6. Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Bến Tre	Cổ đông lớn

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3	6.546.401.958	1.921.198.253
Phải trả - Xem thêm mục 5.11	(57.386.286.445)	(41.243.003.806)
Phải trả nợ vay – Xem thêm mục 5.10	(47.336.487)	-
Phải trả lãi vay	(3.749.050)	-

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Vay trong năm	76.792.635.574	-
Trả tiền vay trong năm	81.680.460.778	-
Chi phí lãi vay	5.481.117.581	-
Mua hàng	180.650.240.651	38.127.581.800
Bán hàng	326.863.241.695	37.880.000.100
Chi trả tiền trái phiếu không chuyển đổi	-	36.000.000.000
Thu tiền chuyển nhượng QSD đất	1.400.000.000	-

- Tập đoàn cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất 1,65%/tháng đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn	1.547.323.484	1.169.615.155

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.467.867.667	46.573.662.231
Các khoản phải thu và phải thu khác	54.071.288.750	116.788.380.950
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	3.411.544.000
Đầu tư dài hạn khác	339.477.795	68.477.795
Tài sản tài chính khác	17.952.344.138	16.538.242.223
Tổng cộng	100.477.529.347	183.380.307.199
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	864.171.018.804	753.485.765.603
Phải trả người bán và phải trả khác	228.569.938.822	240.279.548.951
Chi phí phải trả	3.945.227.288	4.324.115.833
Tổng cộng	1.096.686.184.914	998.089.430.387

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	7.945.679,81	3.545.716,47	887.157,88	363.866,97
Euro (EUR)	-	-	100,27	100,27

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Tập đoàn chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Tập đoàn có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	228.569.938.822	-	228.569.938.822
Chi phí phải trả	3.945.227.288	-	3.945.227.288
Các khoản vay	691.111.867.300	173.059.151.504	864.171.018.804
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	240.279.548.951	-	240.279.548.951
Chi phí phải trả	4.324.115.833	-	4.324.115.833
Các khoản vay	667.955.185.823	85.530.579.780	753.485.765.603

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.071.288.750	-	54.071.288.750
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	-	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	-	339.477.795	339.477.795
Tài sản tài chính khác	17.952.344.138	-	17.952.344.138
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.788.380.950	-	116.788.380.950
Đầu tư ngắn hạn khác	3.411.544.000	-	3.411.544.000
Đầu tư dài hạn khác	-	68.477.795	68.477.795
Tài sản tài chính khác	16.538.242.224	-	16.538.242.224

10. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tồn kho – Xem thêm mục 5.4	284.916.189.075 đồng và 14.159.062 Đô la Mỹ	634.279.705.000
Tài sản cố định hữu hình- Xem thêm mục 5.6	386.048.073.391	29.527.826.523
Tài sản cố định vô hình- Xem thêm mục 5.8	57.412.032.361	58.840.505.609
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang - Xem thêm mục 5.9	214.064.140.497	104.100.000.000

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Các thông tin thuyết minh khác

Công ty đã chuyển các hoạt động sản xuất sang cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc từ tháng 4 năm 2012.

Do thay đổi lại cơ cấu, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, 02 chi nhánh này vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể.

13. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA